THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 698/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 01 tháng 6 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin (sau đây viết tắt là CNTT) là yếu tố then chốt có ý nghĩa quyết định đối với việc phát triển và ứng dụng CNTT. Phát triển nguồn nhân lực CNTT phải đảm bảo chất lượng, đồng bộ, chú trọng tăng nhanh tỷ lệ nguồn nhân lực có trình độ cao.

2. Phát triển nguồn nhân lực CNTT phải gắn kết chặt chẽ với quá trình đổi mới giáo dục và đào tạo, đặc biệt là đổi mới giáo dục đại học. Đổi mới cơ bản và toàn diện đào tạo nhân lực CNTT theo hướng hội nhập và đạt trình độ khu vực và quốc tế, tạo được chuyển biến cơ bản về chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển CNTT của đất nước, của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Đẩy mạnh xã hội hoá và hợp tác quốc tế, phát huy mọi nguồn lực trong nước và thu hút các nguồn đầu tư nước ngoài cho phát triển nguồn nhân lực CNTT.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

4. Xác định rõ quy mô, cơ cấu, chương trình đào tạo, công tác biên soạn, cung cấp giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo ở các cấp học, trình độ đào tạo, tuyển sinh đáp ứng theo nhu cầu của xã hội và của thị trường trong nước và ngoài nước. Lấy năng suất, chất lượng và hiệu quả lao động của người học khi tốt nghiệp, làm việc tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp làm căn cứ đánh giá kết quả, chất lượng đào tạo nguồn nhân lực CNTT.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2015

1. Mục tiêu chung

a) Phát triển mạnh nguồn nhân lực CNTT (trong Quyết định này nhân lực CNTT được hiểu là nhân lực làm công tác đào tạo về CNTT, điện tử, viễn thông; nhân lực chuyên nghiệp về CNTT, điện tử, viễn thông làm trong các doanh nghiệp và công nghiệp; nhân lực cho ứng dụng CNTT của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; cán bộ, viên chức và mọi người dân sử dụng, ứng dụng CNTT) nhằm đảm bảo đủ nhân lực CNTT phục vụ nhu cầu phát triển và ứng dụng CNTT điện tử, viễn thông, phục vụ công cuộc xây dựng kinh tế tri thức và xã hội thông tin, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế;

b) Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong giáo dục và đào tạo, hiện đại hoá, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của hệ thống đào tạo nhân lực CNTT, để trình độ đào tạo nhân lực CNTT của nước ta tiếp cận trình độ và có khả năng tham gia thị trường đào tạo nhân lực CNTT quốc tế, từng bước trở thành một trong những nước cung cấp nhân lực CNTT chất lượng cao cho các nước trong khu vực và trên thế giới.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Tạo được bước chuyển biến đột phá về chất lượng trong đào tạo nguồn nhân lực CNTT. Đào tạo CNTT, điện tử, viễn thông ở các trường đại học đạt trình độ và chất lượng tiên tiến trong khu vực các nước Đông Nam Á; có khoảng 30% số lượng sinh viên CNTT, điện tử, viễn thông sau khi tốt nghiệp ở các trường đại học có đủ khả năng chuyên môn và ngoại ngữ để có thể tham gia thị trường lao động quốc tế;

b) Đảm bảo 100% học sinh trung cấp chuyên nghiệp và học nghề được đào tạo các kiến thức và kỹ năng ứng dụng về CNTT. Đến năm 2010, 100% sinh viên đại học, cao đẳng, học sinh trung học phổ thông, 50% học sinh trung học cơ sở và 20% học sinh tiểu học được học tin học và đến năm 2015 đạt 100% đối với học sinh trung học cơ sở, 80% học sinh tiểu học được học tin học;

c) Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng đội ngũ giáo viên dạy tin học cho các cơ sở giáo dục phổ thông, đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong giảng dạy và trong quản lý giáo dục ở tất cả các cấp học. 65% số giáo viên có đủ khả năng ứng dụng CNTT để hỗ trợ cho công tác giảng dạy, bồi dưỡng;

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

d) Tăng cường xây dựng đội ngũ giảng viên, giáo viên CNTT, điện tử, viễn thông ở các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và các cơ sở dạy nghề, nâng cao chất lượng và tăng nhanh về số lượng. Ở các trường đại học, cao đẳng bảo đảm đạt tỷ lệ trung bình 15 - 20 sinh viên/giảng viên trong đào tạo CNTT; 70% số giảng viên CNTT ở đại học và trên 50% giảng viên CNTT ở cao đẳng có trình độ thạc sĩ trở lên; tăng nhanh số giảng viên có trình độ tiến sĩ; đến cuối năm 2015, 100% giảng viên đại học, cao đẳng, giáo viên trung học phổ thông, giáo viên trung cấp chuyên nghiệp, sinh viên có máy tính riêng để dùng;

đ) Đảm bảo đủ nhân lực, đáp ứng được sự phát triển của các doanh nghiệp trong lĩnh vực CNTT và truyền thông. Từ nay đến năm 2015, cung cấp cho các doanh nghiệp 250.000 lao động chuyên môn về CNTT, điện tử, viễn thông có trình độ từ trung cấp chuyên nghiệp và sơ cấp nghề (đào tạo 1 năm) trở lên, trong đó có 50% lao động có trình độ cao đẳng, đại học và 5% có trình độ thạc sĩ trở lên;

e) Đẩy mạnh việc phổ cập kiến thức và kỹ năng ứng dụng CNTT. Đảm bảo đa số cán bộ, công chức, viên chức; được đào tạo về ứng dụng CNTT trong công việc của mình;

g) Đào tạo cán bộ chuyên trách CNTT có trình độ cao đẳng hoặc tương đương trở lên đáp ứng đủ cho các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ sở nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng và cán bộ chuyên trách trình độ trung cấp chuyên nghiệp trở lên ở các cơ sở giáo dục tiểu học, giáo dục trung học. Bồi dưỡng chuyên môn về CNTT cho các cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các Bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đáp ứng yêu cầu trình độ được quy định tại Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2020

1. Xây dựng nguồn nhân lực CNTT đủ phẩm chất, năng lực làm chủ công nghệ, kỹ thuật hiện đại, với cơ cấu hợp lý, đáp ứng kịp thời và thường xuyên nhu cầu xây dựng và phát triển xã hội thông tin và kinh tế tri thức. Đảm bảo đủ nhân lực CNTT phục vụ nhu cầu của thị trường trong nước và một phần thị trường nước ngoài. Không ngừng nâng cao nhận thức, phổ cập kiến thức và kỹ năng sử dụng các ứng dụng và dịch vụ CNTT cho toàn xã hội. Đến năm 2020, 70% lao động trong các doanh nghiệp được đào tạo về CNTT.

2. Nâng cao chất lượng và tăng số lượng giảng viên, giáo viên CNTT, điện tử, viễn thông ở các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề. Đến năm 2020, trên 90% giảng viên đại học và trên 70% giảng viên cao đẳng về CNTT có trình độ thạc sĩ trở lên, trên 30% giảng viên đại học có trình độ tiến sĩ.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

3. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng đội ngũ giáo viên dạy tin học cho các cơ sở giáo dục phổ thông. Đến năm 2020, toàn bộ học sinh các cơ sở giáo dục phổ thông và các cơ sở giáo dục khác được học ứng dụng CNTT.

IV. CÁC GIẢI PHÁP

1. Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp, quy trình đào tạo, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực CNTT

a) Thực hiện tốt việc đổi mới đào tạo CNTT ở các trường đại học, cao đẳng theo Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020;

b) Xây dựng và cập nhật thường xuyên chương trình đào tạo CNTT, bảo đảm sự liên thông của các trình độ đào tạo, tăng tính thiết thực của chương trình và tăng tỷ lệ thực hành ở các môn học CNTT, loại bỏ các chương trình và môn học lạc hậu, các môn học không đáp ứng hoặc không phù hợp yêu cầu thực tế. Thiết lập diễn đàn qua kênh email để tham khảo ý kiến phản hồi từ cựu sinh viên và các đơn vị sử dụng lao động CNTT về chương trình và nội dung đào tạo. Khuyến khích sinh viên tham gia các khóa đào tạo và thi lấy các chứng chỉ chuyên môn về CNTT của các tổ chức quốc tế và các tập đoàn đa quốc gia về CNTT và viễn thông;

c) Các trường đại học, cao đẳng tuyển chọn, tiếp thu có chọn lọc và triển khai đào tạo theo các chương trình CNTT tiên tiến của thế giới một cách thiết thực;

d) Đổi mới mạnh mẽ chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo giáo viên CNTT tại các trường sư phạm; tăng cường giảng dạy về ứng dụng CNTT trong dạy và học, áp dụng các công nghệ giáo dục tiên tiến;

đ) Xây dựng chương trình giảng dạy về CNTT theo mô đun kiến thức, cập nhật theo công nghệ mới và triển khai đào tạo, đáp ứng nhu cầu của người học. Áp dụng chương trình này cho các cấp học và giáo dục thường xuyên.

2. Mở rộng quy mô, hình thức đào tạo CNTT

a) Tạo thuận lợi cho việc thành lập cơ sở đào tạo CNTT phù hợp, nhằm đáp ứng các nhu cầu đào tạo nhân lực CNTT các trình độ;

b) Mở rộng quy mô, loại hình đào tạo về CNTT ở các cơ sở đào tạo CNTT;

c) Mở rộng quy mô đào tạo, đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo về CNTT của các cơ sở đào tạo giáo dục thường xuyên. Ban hành cơ chế, chính sách phù hợp nhằm đẩy mạnh công tác đào tạo liên thông các trình độ về CNTT;

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

d) Đẩy mạnh đào tạo theo đặt hàng của các doanh nghiệp và theo nhu cầu của xã hội. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho sự liên kết đào tạo giữa các cơ sở sử dụng và các cơ sở đào tạo nhân lực CNTT. Phát triển các mô hình, hình thức phối hợp, hợp tác và hỗ trợ đào tạo, đáp ứng theo nhu cầu của các doanh nghiệp, của xã hội;

đ) Tiếp tục đào tạo văn bằng 2 trình độ đại học về CNTT;

e) Tăng cường giảng dạy, nâng cao kỹ năng sử dụng máy tính và ứng dụng CNTT cho sinh viên ở tất cả các ngành học;

g) Đẩy mạnh đào tạo từ xa qua mạng phục vụ cho mọi loại hình đào tạo. Quy định điều kiện hoạt động đào tạo qua mạng, công nhận giá trị pháp lý của văn bằng, chứng chỉ trong hoạt động đào tạo trên môi trường mạng và thực hiện kiểm định chất lượng đào tạo qua mạng đối với các cấp học.

3. Tăng cường xã hội hoá công tác phổ cập tin học cho toàn xã hội

a) Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia đào tạo, bồi dưỡng nhân lực CNTT dưới nhiều hình thức. Thu hút và tạo điều kiện thuận lợi để các trường đại học, các nhà khoa học ở nước ngoài hợp tác và tham gia giảng dạy CNTT tại Việt Nam;

b) Các cơ quan, doanh nghiệp có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phổ cập thường xuyên về kiến thức CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; triển khai các chương trình đào tạo về ứng dụng CNTT cho cán bộ quản lý và lãnh đạo các cơ quan, doanh nghiệp; các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về xây dựng, triển khai, quản lý và giám sát các dự án ứng dụng CNTT cho cán bộ chuyên trách về CNTT;

c) Xây dựng các giải pháp nhằm thu hút mạnh mẽ mọi nguồn lực xã hội phục vụ thiết thực cho công tác đào tạo nhân lực CNTT. Phát huy đầy đủ, hiệu quả vai trò tổ chức thực hiện, động viên, giám sát của các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp trong mọi hoạt động liên quan đến công tác đào tạo nhân lực CNTT.

4. Tăng cường đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực CNTT

a) Nhà nước ưu tiên đầu tư ngân sách cho đào tạo nhân lực CNTT, điện tử và viễn thông thông qua các chương trình, dự án của Kế hoạch tổng thể này và thông qua các kế hoạch, đề án đào tạo khác;

b) Sử dụng ngân sách nhà nước hàng năm chi thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để triển khai các nghiên cứu và triển khai ứng dụng về CNTT;

c) Tạo điều kiện cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước thành lập cơ sở đào tạo nhân lực CNTT theo quy định của pháp luật, đầu tư vào đào tạo nhân lực CNTT theo hướng dịch vụ CNTT. Có chính sách cho cơ sở đào tạo được hưởng ưu đãi trong hoạt động đào tạo CNTT tương đương với các doanh nghiệp sản xuất phần mềm;

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

d) Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị, chương trình, giáo trình, tài liệu, học liệu và mạng phục vụ đào tạo CNTT, điện tử, viễn thông và ứng dụng CNTT ở tất cả các cơ sở giáo dục. Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất cho một số cơ sở đào tạo trọng điểm về CNTT, điện tử, viễn thông đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và quốc tế;

đ) Có chính sách đóng góp kinh phí đào tạo hợp lý của người học;

e) Ưu tiên đầu tư cho các cơ sở giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, miền núi và hải đảo và những vùng đặc biệt khó khăn;

g) Khuyến khích các nhà sản xuất phát triển chương trình cung cấp máy tính và kết nối Internet với giá ưu đãi cho giáo viên, sinh viên và học sinh. Phấn đấu đến cuối năm 2015, 100% giảng viên đại học, cao đẳng, 90% giáo viên trung học phổ thông, giáo viên trung cấp chuyên nghiệp, sinh viên đều có máy tính riêng để dùng. Nghiên cứu ban hành chính sách hỗ trợ cho giáo viên, sinh viên vay tiền mua máy tính;

h) Sử dụng nguồn vốn ODA đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực CNTT, xây dựng mạng giáo dục và một số cơ sở đào tạo CNTT chất lượng cao.

5. Tăng cường dạy tiếng Anh và dạy CNTT bằng tiếng Anh và các ngoại ngữ khác

a) Thông qua triển khai chương trình dạy ngoại ngữ 2009 - 2020 khuyến khích các trường đại học giảng dạy CNTT, điện tử, viễn thông bằng tiếng Anh; mời giảng viên người nước ngoài, chuyên gia Việt kiều tham gia giảng dạy bằng tiếng Anh trực tiếp hoặc qua mạng cho các môn CNTT; tuyển chọn và sử dụng trực tiếp các tài liệu, giáo trình về CNTT bằng tiếng Anh; có chính sách khuyến khích và ưu đãi cho sinh viên viết và bảo vệ đồ án, luận văn tốt nghiệp và tiểu luận bằng tiếng Anh hay các ngoại ngữ khác; sử dụng song ngữ khi biên soạn và công bố chương trình đào tạo;

b) Chú trọng đào tạo, nâng cao trình độ tiếng Anh cho đội ngũ giảng viên, giáo viên CNTT, điện tử, viễn thông ở các trường để có thể giảng dạy bằng tiếng Anh. Nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng Anh cho giảng viên, giáo viên dạy ngoại ngữ ở các cơ sở đào tạo nhân lực CNTT;

c) Khuyến khích sử dụng các ngoại ngữ khác trong đào tạo về CNTT.

6. Sử dụng phần mềm mã nguồn mở trong giảng dạy, đào tạo

Các cơ sở giáo dục khai thác, sử dụng phần mềm mã nguồn mở trong công tác đào tạo: xây dựng chương trình và nội dung đào tạo, tài liệu giảng dạy và đề tài nghiên cứu khoa học trên nền chuẩn mở; thực hiện các đề tài luận án tốt nghiệp và tiểu luận dựa trên việc khai thác phần mềm mã nguồn mở; sử dụng phần mềm mã nguồn mở trong công tác văn phòng, trong các hoạt động đào tạo. Bắt đầu từ tháng 9 năm 2011, 100% các cơ sở giáo dục chủ yếu dùng phần mềm mã nguồn mở trong đào tạo, giảng dạy và ứng dụng.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat

7. Phát triển mạng giáo dục (EduNet)

a) Triển khai kết nối Internet băng thông rộng và kênh thuê riêng qua cáp quang đến tất cả các đơn vị quản lý giáo dục và cơ sở giáo dục;

b) Xây dựng trung tâm dữ liệu của mạng giáo dục;

c) Xây dựng cổng thông tin giáo dục chứa nội dung số, các kho tài nguyên giáo dục trên mạng Internet. Xây dựng, tuyển chọn và mua thư viện số về sách, giáo trình, tài liệu, học liệu, bài giảng phục vụ cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học;

d) Áp dụng công nghệ giáo dục, dạy và học điện tử e-Learning. Xây dựng nội dung, chương trình, bài giảng và tổ chức triển khai các khóa học theo mô hình e-Learning. Bước đầu nghiên cứu triển khai M-Learning và U-Learning;

đ) Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng về ứng dụng CNTT hằng năm cho giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, sinh viên, học sinh qua mạng nhằm tiết kiệm thời gian, kinh phí và đạt hiệu quả giảng dạy cao.

8. Đẩy mạnh dạy tin học và ứng dụng CNTT trong trường phổ thông

a) Tiếp tục triển khai giảng dạy môn tin học, nâng cao kỹ năng sử dụng CNTT cho học sinh phổ thông các cấp học;

b) Cập nhật chương trình, nội dung giảng dạy theo hướng mô đun kiến thức hiện đại, thiết thực, thay vì dùng một bộ chương trình và sách tin học cứng;

c) Đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT trong trường phổ thông nhằm đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng giáo viên tự tích hợp CNTT vào từng môn học thay vì học trong môn tin học. Giáo viên các bộ môn chủ động tự soạn và tự chọn tài liệu và phần mềm (mã nguồn mở) để giảng dạy ứng dụng CNTT;

d) Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên dạy tin học đáp ứng được yêu cầu giảng dạy và ứng dụng CNTT trong giảng dạy, trước hết ở cấp trung học phổ thông;

đ) Xây dựng và ban hành chuẩn về kiến thức và kỹ năng ứng dụng CNTT đối với giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục.

9. Các giải pháp khác

a) Xây dựng cơ sở dữ liệu cán bộ khoa học công nghệ ở trong nước và chuyên gia Việt kiều ở nước ngoài về CNTT, nhằm phục vụ chính sách thu hút các nhà khoa học có trình độ cao về CNTT ở trong nước và ngoài nước tham gia công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học về CNTT tại các cơ sở đào tạo đại học Việt Nam;

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

b) Tổ chức các diễn đàn trao đổi về đào tạo nhân lực CNTT, điện tử, viễn thông nhằm đáp ứng nhu cầu giới thiệu, góp ý, giao dịch và liên kết giữa các trường đại học và các doanh nghiệp CNTT, điện tử, viễn thông và các tổ chức kinh tế khác;

c) Có chính sách ưu đãi khen thưởng, nâng bậc đối với giảng viên, giáo viên giỏi ứng dụng CNTT, giáo viên giỏi làm bài giảng điện tử e-Learning, đạt chuẩn kiến thức và kỹ năng về CNTT.

10. Dự kiến kinh phí:

Kinh phí dự kiến từ nguồn ngân sách nhà nước dành cho việc triển khai Kế hoạch tổng thể giai đoạn 2009 - 2015 là khoảng 900 tỷ đồng.

Việc xác định cơ cấu nguồn vốn, dự toán kinh phí cụ thể sẽ do các Bộ, ngành, địa phương chủ động thực hiện trong quá trình lập các dự án, đề án cụ thể để thực hiện nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch tổng thể.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì triển khai các nhiệm vụ:

a) Cụ thể hoá Kế hoạch tổng thể này thành các chương trình, kế hoạch, dự án đầu tư để chỉ đạo, tổ chức thực hiện ở các cấp theo các mục tiêu và giải pháp đã đề ra. Hướng dẫn các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch triển khai, trình phê duyệt và thực hiện;

b) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện đổi mới chương trình đào tạo về CNTT, chương trình đào tạo ứng dụng CNTT trong các ngành;

c) Chuẩn hóa các trình độ đào tạo CNTT cho xã hội: xây dựng, ban hành hệ thống chuẩn kiến thức và kỹ năng cho các trình độ đào tạo CNTT, quy định điều kiện hoạt động đào tạo và cấp chứng chỉ CNTT và xây dựng hệ thống sát hạch trình độ CNTT;

d) Xây dựng và ban hành hoặc trình các cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách thúc đẩy đào tạo nguồn nhân lực CNTT;

đ) Xây dựng kế hoạch tổng thể ứng dụng CNTT trong giáo dục và kế hoạch triển khai mạng giáo dục;

e) Xây dựng kế hoạch cụ thể và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ đào tạo giảng viên, giáo viên CNTT. Phổ cập kiến thức và kỹ năng ứng dụng CNTT cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên trách về CNTT trong ngành giáo dục;

g) Chỉ đạo tổ chức dạy tin học cho sinh viên, học sinh phổ thông với mục tiêu: đảm bảo việc dạy tin học cho sinh viên đại học, cao đẳng, học sinh trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề và học sinh phổ thông một cách thiết thực, đáp ứng nhu cầu của xã hội;

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

h) Trung tâm hỗ trợ đào tạo và cung ứng nhân lực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo là đầu mối tiếp nhận và hỗ trợ triển khai đào tạo cho các doanh nghiệp, các tổ chức theo hợp đồng, đặc biệt cho các dự án đầu tư nước ngoài và hợp đồng cung ứng nhân lực CNTT trình độ cao;

i) Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức hàng năm hội nghị quốc gia về đào tạo nhân lực CNTT để tổng kết kết quả thực hiện kế hoạch này hàng năm, biểu dương các cơ sở đào tạo chất lượng cao, cung ứng nhiều nhân lực CNTT cho xã hội, biểu dương các doanh nghiệp có đóng góp xuất sắc cho đào tạo nhân lực CNTT, hỗ trợ ký kết các hợp đồng đào tạo.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì triển khai nhiệm vụ:

Đào tạo nghề về CNTT, điện tử, viễn thông với mục tiêu đào tạo khoảng 100.000 người có trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề, sơ cấp nghề về CNTT, điện tử, viễn thông. Ứng dụng CNTT trong dạy và học các nghề.

Triển khai mạnh mẽ đào tạo nghề về CNTT theo hợp đồng giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp, cơ quan có nhu cầu nhân lực.

3. Bộ Nội vụ chủ trì triển khai các nhiệm vụ:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng và ban hành: chức danh, nhiệm vụ và tiêu chuẩn giám đốc CNTT trong các cơ quan nhà nước;

b) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng chương trình phổ cập kiến thức và kỹ năng sử dụng máy tính và Internet cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội;

c) Xây dựng và ban hành trước năm 2010: chế độ ưu đãi ngạch bậc đối với giám đốc CNTT trong các cơ quan nhà nước. Chế độ ưu đãi về điều kiện làm việc, được nâng cao trình độ cho cán bộ chuyên trách về CNTT.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì triển khai nhiệm vụ:

Chủ trì xây dựng hệ thống thông tin về nhu cầu nhân lực CNTT và tổ chức đánh giá tình hình nhân lực về CNTT với mục tiêu phục vụ phát triển nguồn nhân lực CNTT. Tổ chức thực hiện các nghiên cứu dự báo về thị trường lao động CNTT, hỗ trợ các cơ sở đào tạo, các cơ quan, đơn vị sử dụng nhân lực CNTT.

5. Bộ Tài chính chủ trì triển khai nhiệm vụ:

Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giáo dục và Đào tạo cân đối, tổng hợp các nguồn lực trong kế hoạch ngân sách nhà nước hàng năm để thực hiện.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

Điều 2. Trách nhiệm của các Bộ, ngành và địa phương

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính xây dựng và triển khai các kế hoạch 5 năm và hàng năm về đào tạo nhân lực CNTT trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; kế hoạch giảng dạy tin học trong các trường phổ thông; sơ kết tình hình thực hiện Kế hoạch tổng thể hàng năm và tổng kết tình hình thực hiện Kế hoạch tổng thể vào năm kết thúc.

2. Các Bộ được giao chủ trì các nhiệm vụ đã nêu ở Phần V Điều 1 của Quyết định này có trách nhiệm xây dựng kế hoạch đầu tư, kế hoạch thực hiện và triển khai ngay một số hoạt động từ năm 2009.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào Kế hoạch tổng thể này và các Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước dài hạn và hàng năm được phê duyệt để xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về CNTT cho cán bộ, công chức và viên chức thuộc quyền quản lý. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng và triển khai các hoạt động phổ cập kiến thức CNTT cho các tổ chức và nhân dân trong địa phương mình.

4. Các tổ chức chính trị - xã hội, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc thúc đẩy phổ cập kiến thức CNTT cho toàn xã hội.

5. Các doanh nghiệp chủ động tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về CNTT cho người lao động trong doanh nghiệp và tham gia đào tạo phục vụ nhu cầu xã hội.

6. Các cơ sở giáo dục và đào tạo, căn cứ vào Kế hoạch tổng thể để xây dựng kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm, chủ động triển khai các giải pháp đào tạo nhân lực của mình, nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng với nhu cầu xã hội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Quyết định này thay thế Quyết định số 331/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin đến năm 2010. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Thiện Nhân

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b).A. 240

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com